TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2017
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bảo Giang

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hải
2. Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2017/TLST - HNGÑ, ngày 06 tháng 09 năm 2017, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường B, khóm B, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Tùng C, sinh năm 1956; Địa chỉ: Đường B, khóm B, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông C kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vợ chồng sống xa nhau cho đến

nay. Mặc dù bà N đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mai A – sinh ngày 26/02/2005. Hiện con chung đang sống chung với vợ, chồng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Tùng C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông C không có văn bản ghi ý kiến gởi Tòa án, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim N và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn và nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Lê Tùng C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Tùng C kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn, ông Lê Tùng C không có văn bản kiến gì đối với yêu cầu của bà N, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống

hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống xa nhau từ đầu năm 2015 đến nay không thể hàn gắn tình cảm và trong năm 2015 bà N có làm đơn xin ly hôn với ông C sau đó bà N rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng cho đến nay vợ chồng vẫn bất đồng quan điểm sống không hàn gắn tình cảm lại được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 **"** ***…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*** **".**

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Tùng C, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Tùng C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân.

Cho nên bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Lê Tùng C là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Mai A – sinh ngày 26/02/2005. Hiện con chung đang sống chung với vợ, chồng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện con chung đang sống với bà N, bà N đang cho con đi học, ngoài ra nguyện vọng của con chung đồng ý sống với bà N, mặt khác tại phiên tòa hôm nay, ông C vắng mặt không có lý do và ông C cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung của vợ chồng cho nên việc bà N yêu cầu nuôi con chung là phù hợp nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N, bà N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Mai A – sinh ngày 26/02/2005.

Xét việc bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên……"*

Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *" Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó."*

Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con".*

Như vậy, hai bên có quyền trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Không có

[7] Về nợ chung: Không có

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim N đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 00093 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Lê Tùng C.

Con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Mai A – sinh ngày 26/02/2005.

Hai bên có quyền trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Kim N đã đóng là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 00112 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Tùng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bảo Giang

THẨM PHÁN
(đã ký)
Huỳnh Bảo Giang

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Các đương sự;

Để thi hành
Thành phố Cao Lãnh ngày 03 tháng 10 năm 2017

- Lưu.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH
THẨM PHÁN

Huỳnh Bảo Giang